

Định chế phong vương ở Việt Nam thời quân chủ

Phạm Hoàng Mạnh Hà¹

¹ Bảo tàng Lịch sử quốc gia.
Email: phamhoangmanhha@gmail.com

Nhận ngày 9 tháng 10 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 9 tháng 1 năm 2018.

Tóm tắt: Sau sự kiện Lê Thánh Tông xưng Quốc Hoàng, định chế phong vương (tước) cho hoàng tộc được tuân theo nguyên tắc: hoàng tử được phong thân vương (lấy phủ làm hiệu); thế tử được phong Tự thân vương (lấy huyện làm hiệu). Quyền thần, ngoại tộc không được ban phong tước vị này. Tuy nhiên, định chế này đã không còn được duy trì khi cung đình xảy ra biến loạn, nhất là khi hoàng đế (người giữ vị trí cao nhất trong bộ máy chính quyền quân chủ thời Lê Sơ) chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Mạc Đăng Dung trở thành quyền thần ngoại tộc đầu tiên và dùy nhất dưới thời Lê Sơ được phong vương (An Hưng Vương).

Từ khóa: Định chế phong vương, thời Lê Sơ, Mạc Đăng Dung.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: After King Le Thanh Tong proclaimed himself *Quốc Hoàng* (the nation's king), the regulation on conferring the title of *vương* to members of the royal family was in line with the following principle: princes were called *thân vương*, with their full titles including the name of a *phủ* administrative unit, *thế tử* (sons of princes) were called *tự thân vương*, with their full titles including the name of a district. High-ranking mandarins who were not related to the royal families were not granted with such titles. However, the regulation was no longer maintained when the imperial court was in turmoil, especially when the emperors, who held the highest position in the monarchy of the Later Le early period, had only nominal power. Mac Dang Dung was the first and only high-ranking mandarin to be named *vương* during the Later Le early period (An Hung Vuong).

Keywords: Regulation on conferring the title of *vương*, the Later Le early period, Mac Dang Dung.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Ở Việt Nam thời phong kiến, người đứng đầu triều đình có nhiều hành động bày tỏ sự tri ân người có công như lập đền thờ tôn vinh họ, hoặc ban phong tước vị và bổng lộc cho con cháu họ. Căn cứ để phong tước là công lao và quan hệ thân tộc [12]. Vương là tước vị sớm được áp dụng trong tổ chức nhà nước quân chủ Việt Nam. Trong cuốn *Từ điển chức quan Việt Nam*, Đỗ Văn Ninh đã thống kê được 9 nghĩa của mục từ “vương”. Ngoài ý nghĩ về xưng hiệu của vua trị vì phương Nam, mục từ “vương” được giải thích: khi người cai trị cao nhất quốc gia xưng “đế” thì “vương” là một tước phong cho con, “tước phong cho người trong tôn thất có công lao lớn”, “là tước phong cho tãn quan” (nghĩa 3, 4, 5); theo quy chế nhà Trần, phạm các tước vương vào làm tướng đều xưng là công, chỉ có thân vương thì được phục lại tước vương (nghĩa 6), tước hiệu “chỉ phong cho thân vương” theo quy chế nhà Lê (nghĩa 7) [11].

Khi truy tìm nguồn gốc các danh xưng “thiên tử”, “bá chủ”, “vương”, “danh hiệu hoàng đế” tại Việt Nam, Lê Kim Ngân khẳng định: “Các công thần ngoại thích, dù công lớn tới đâu cũng chỉ được phong tới chức (đúng ra là tước) Công mà thôi” [7]. Thời Lê Sơ, việc ban phong tước vị được áp dụng cho nhiều đối tượng, dưới nhiều hình thức. Mỗi trường hợp lại mang ý nghĩa không giống nhau. Bên cạnh sự đảm bảo vinh hoa phú quý còn là những tính toán của các vị hoàng đế đương thời. Thời Lê Sơ, tước vương vừa mang những đặc điểm chung của các triều đại quân chủ trước đó (Đinh, Lý, Trần, Hồ), vừa có những tính chất riêng. Bài viết góp phần tìm hiểu định

chế phong vương ở Việt Nam thời phong kiến nói chung và thời Lê Sơ nói riêng.

2. Định chế phong vương trước thời Lê Sơ

Trong lịch sử, có nhiều hình thái tước vị gắn với chữ vương. *Thứ nhất*, “vương” là tước vị được hoàng đế Trung Hoa sắc phong cho người đứng đầu nước Đại Việt. Thời Lê Sơ ghi nhận hai sự kiện: năm 1431, nhà Minh phong Lê Thái Tổ quyền thụ An Nam Quốc sử, và năm Kỷ Mùi, niên hiệu Cảnh Thống thứ hai (năm 1499), ngày 17 tháng 12, nhà Minh sai Lương Trừ, Vương Chấn mang sách sang phong vua nhà Lê làm An Nam Quốc Vương. *Thứ hai*, “vương” được dùng như “danh xưng”. Ví dụ: vua Lê Thái Tổ, sau khi lên ngôi, ở chiếu lệnh đại xá, xưng là Thuận Thiên Thừa Vận Duệ Văn Anh Vũ Đại vương (hiệu là Lam Sơn động chủ). Thời Lê Sơ, xưng hiệu “vương” còn xuất hiện vào tháng 11 năm Kỷ Ty niên hiệu Đoan Khánh thứ năm (năm 1509), Giản Tu Công trá xưng là Cẩm Giang Vương; năm Bính Tý, niên hiệu Hồng Thuận thứ tám (năm 1516) gắn với sự kiện ngày mùng 6 tháng ba, Trần Cảo nhận là cháu chắt của vua Thái Tông nhà Trần, tự xưng là Đế Thích giáng sinh, tiếm xưng niên hiệu Thiên Ứng [4, tr.545].

Vương còn được sử dụng như tôn hiệu chỉ người đứng đầu một vùng đất, quốc gia. Ví dụ, người đứng đầu nước Văn Lang được tôn xưng là Hùng Vương, nước Âu Lạc có An Dương Vương; ở các giai đoạn sau có Trưng Vương, Triệu Việt Vương, Ngô Vương, Dương Bình Vương... Bước vào thời kỳ “loạn mười hai sứ quân”, Ngô Xương Xí xưng “vương” (tước vị mang

tính tập tước), các sứ quân còn lại cao nhất chỉ xưng “công” theo tiêu chí lấy họ, hoặc họ - đệm làm hiệu. Đinh Bộ Lĩnh sau khi dẹp yên được các thế lực đã tự xưng là Vạn Thắng Vương (năm 967).

Khi nhà nước quân chủ Việt Nam đủ mạnh, cộng với ý thức tự tôn dân tộc, thì người đứng đầu đã xưng đế. Vạn Thắng Vương là người đầu tiên xưng đế (Đinh Tiên Hoàng Đế) năm 968. Lúc này, “vương” được sử dụng như một tước phong cho hoàng tử (Nam Việt Vương Đinh Liễn, Vệ Vương Đinh Toàn). Kể từ Đinh Tiên Hoàng Đế trở về sau, người đứng đầu nhà nước quân chủ phía nam Trung Hoa liên tục xưng hoàng đế. Chẳng hạn, có Lê Đại Hành xưng đế năm 980 (Đại Hành Hoàng Đế), Lý Công Uẩn xưng đế năm 1010, Trần Cảnh xưng đế năm 1225, Hồ Quý Ly xưng là Quốc Tổ Chương Hoàng Đế năm 1400... Tuy nhiên, đây chỉ là xưng hiệu trong nội bộ quốc gia. Trong quan hệ ngoại giao với Mông Cổ, và đặc biệt là với Trung Hoa, người đứng đầu nước Đại Việt vẫn dùng tước phong An Nam Quốc Vương (của người đứng đầu Nhà nước Trung Hoa phong cho) để tránh xưng đột [2, tr.135].

Đến thời Lê Sơ, việc xưng đế của người đứng đầu nước Đại Việt bị gián đoạn từ năm 1428 đến khoảng năm 1471. Bình Định Vương Lê Lợi sau khi đánh đuổi quân Minh đã lên ngôi năm 1428, đặt niên hiệu (Thuận Thiên), quốc hiệu (Đại Việt) nhưng chỉ xưng là đại vương. Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông vẫn theo lệ này. Đế hiệu chỉ được dùng để truy tôn sau khi mất, như Lê Nguyên Long truy tôn Lê Thái Tổ là Cao Hoàng Đế, Lê Thánh Tông truy tôn Lê Nhân Tông là Khâm Văn Nhân Hiếu Tuyên Minh Hoàng Đế). Tuy nhiên, “đại vương” hay “đế” chỉ phân biệt ở góc độ xưng hiệu,

không có sự khác biệt về vị trí, ý nghĩa (người đứng đầu nhà nước quân chủ).

Việc người đứng đầu nhà Lê Sơ xưng đế có ý nghĩa rất quan trọng về mặt chính trị. Dưới niên hiệu Quang Thuận, triều đình đã nhiều lần kiến nghị Lê Thánh Tông xưng đế, nhưng ông không nghe theo. Phải đến cuối năm Hồng Đức thứ hai (tháng 12, năm 1471), trong dịp làm lễ tế trời, Lê Thánh Tông mới xưng hoàng hiệu (tương đương với đế hiệu). Sự kiện này được sử cũ chép lại khá thống nhất. Tháng 12, ngày Giáp Ngọ, làm lễ tế mùa đông, vua (Lê Thánh Tông) xưng là “Hiếu tôn đức hoàng”. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, “Danh hiệu Quốc hoàng có từ đây” [4, tr.453]. Tuy nhiên, kể từ thời điểm này trở về sau, trong công việc hàng ngày, Lê Thánh Tông vẫn xưng là hoàng đế (chữ trên quốc ấn “hoàng đế thụ mệnh chi bảo”) hoặc hoàng thượng (chữ trên chế cáo là “hoàng thượng chế cáo chi mệnh”) [4, tr.454].

Tuy nhiên, sự kiện Lê Thánh Tông xưng đế đã khởi nguồn ngay từ những năm cuối niên hiệu Quang Thuận. Từ năm 1467, Lê Thánh Tông đã có ý định và gián tiếp xưng hoàng đế, căn cứ vào chi tiết được ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư*. “Tháng 12 (năm 1467), vua đưa ấn Thiên Nam Hoàng đế chi bảo cho các tế thần xem để cùng bàn” với ý định xưng là Thiên Nam Hoàng đế. Quân thần nhà Lê Sơ (quyển hộ bộ thượng thư Nguyễn Cư Đạo) cho rằng hai chữ “thiên nam” là “mới lạ”, thiếu “hàm súc”, thiếu “ý nghĩa” [4, tr.449]. Phải chăng vì thế mà ấn Thiên Nam Hoàng đế chi bảo không được sử dụng?

Việc Lê Thánh Tông xưng quốc hoàng được xem là thao tác hoàn bị cho định chế phong tước vương dưới thời Lê Sơ. Vương chỉ còn mang ý nghĩa là tước vị ban phong cho người có quan hệ thân tộc.

3. Định chế phong vương thời Lê Sơ

Thời kì đầu Lê Sơ, hoàng tử chỉ được phong tước quận công (lương quận công, khai quận công). Đây là đặc điểm của một vương triều mới được tạo dựng. Khi đó, do vai trò của các văn thần, võ tướng còn rất lớn, nên Lê Thái Tổ đề cao yếu tố công thần hơn hoàng tộc. Phải đến khi nhà triều Lê Sơ đi vào ổn định thì yếu tố hoàng tộc mới được chú trọng. Người đầu tiên được phong vương dưới thời Lê Sơ là hoàng tử trưởng của Lê Thái Tổ. Sự kiện này được ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* như sau: “Niên hiệu Thuận Thiên thứ 2 (năm 1429), ngày 7 tháng Giêng, Lê Thái Tổ sai Nhập nội kiểm hiệu bình chương sự Lê Văn, Nhập nội đại tư mã Lê Ngân, Nhập nội thiếu phó Lê Văn Linh mang kim sách lập Hữu tướng quốc Khai quận công Tư Tề làm Quốc vương, giúp coi việc nước”; “sai Nhập nội tư khấu Lê Sát, Tư không Lưu/Lê Nhân Chú, Nhập nội tư mã Lê Lý, Nhập nội thiếu úy Lê Quốc Hưng mang kim sách lập

Lương quận công Nguyên Long làm Hoàng thái tử” [4, tr.355].

Trong giai đoạn trị vì của Lê Nguyên Long, định chế phong vương cho người hoàng tộc từng bước được hoàn chỉnh. Sau khi “lập” rồi “phế” Nghi Dân, tháng 11 năm 1441, Lê Thái Tông lập Bang Cơ làm hoàng thái tử. Cùng năm, người đứng đầu triều đình quân chủ đương thời phong Nghi Dân tước Lạng Sơn Vương, phong hoàng tử Khắc Xương làm Tân Bình Vương. Đây có thể được xem là sự kiện đặt nền móng cho định chế phong vương đối với người trong hoàng tộc dưới thời Lê Sơ. Kể từ thời Lê Thái Tông trở về sau, tất cả hoàng tử của nhà Lê Sơ đều được phong vương. Điều đó khác biệt căn bản so với thời Lê Thái Tổ, vì hoàng thân quốc thích được phong vương mà không phải trải qua tước công (thăng tước). Những người được phong vương như bảng sau.

Hoàng đế triều Lê Sơ phong vương cho người hoàng tộc (từ Lê Thái Tổ đến Lê Nghi Dân)

Năm	Người được phong	Tước vị cao nhất	Quan hệ thân tộc	Triều đại
1429	Lê Tư Tề	Quốc vương	Con vua Lê Thái Tổ	Lê Thái Tổ
1429	Lê Nguyên Long	Hoàng Thái tử	Con vua Lê Thái Tổ	Lê Thái Tổ
1441	Lê Nghi Dân	Lạng Sơn Vương	Con vua Lê Thái Tông	Lê Thái Tông
1441	Lê Khắc Xương	Tân Bình Vương	Con vua Lê Thái Tông	Lê Thái Tông
1445	Lê Tư Thành	Bình Nguyên Vương	Em trai Lê Nhân Tông	Lê Nhân Tông
1459	Lê Tư Thành	Gia vương	Em trai Lê Nghi Dân	Lê Nghi Dân
1459	Lê Khắc Xương	Cung vương	Em trai Lê Nghi Dân	Lê Nghi Dân

Đến niên hiệu Quang Thuận, sau sự kiện Lê Thánh Tông xưng quốc hoàng, định chế phong vương cho hoàng thân, quốc thích được văn bản hóa. Ngày 26/6/1471, hoàng

đế Lê Thánh Tông hiệu định Hoàng triều quan chế. Theo định chế đó, hoàng tử (thân vương) được phong vương thì lấy phủ làm hiệu (như phủ Kiến Hưng thì hiệu là Kiến

Hung Vương; thế tử (con của hoàng tử) khi phong vương lấy huyện làm hiệu (như huyện Hải Lăng thì hiệu là Hải Lăng Vương) [4, tr.469-470].

4. Trường hợp An Hưng Vương Mạc Đăng Dung

Quan chế cho hoàng tộc cùng với những quy định, cải cách của Lê Thánh Tông trở thành chuẩn mực để các đời vua sau áp dụng. Ngày 12 tháng 8 năm 1499, Lê Hiến Tông ra sắc chỉ: “Lương dân nào dâng thóc nhận quan chức thì cho Phạm Thái vâng mệnh khám xét, nếu đúng là người lương thiện thì cứ theo như lệ trước mà bỏ” [4, tr.507]. Ngày 4 tháng 3 năm 1508, niên hiệu Đoan Khánh thứ tư, vua Lê Uy Mục ban chiếu: “Các đô lại, đề lại và các lại thay phiên nhau ở nha môn trong ngoài nếu có khuyết thì Lại bộ chiếu theo lệ đời Hồng Đức” [4, tr.525].

Có thể khẳng định, định chế phong vương nói riêng, tước vị nói chung năm 1471 được duy trì cho đến hết thời Lê Sơ hay chí ít là đến hết niên hiệu Đoan Khánh đời vua Lê Uy Mục.

Tuy nhiên, kể từ sau năm 1516, mà cụ thể là dưới hai triều đại Lê Chiêu Tông và Lê Cung Hoàng, những quy chuẩn này từng bước bị phá vỡ. Điều đó biểu hiện qua sự kiện sau. Mùa hạ, tháng 4, vua sai Tùng Dương hầu Vũ Hữu, Lan Xuyên bá Phan Đình Tá, Trung sứ Đỗ Hiếu Để cầm cờ tiết, mang kim sách, mũ áo, ô lọng, đai ngọc, kiệu tía, quạt hoa, tán tía, đến làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương, tiến phong Mạc Đăng Dung làm An Hưng Vương, gia thêm Cửu tích, Đăng Dung đón tiếp ở bến đò An

Tháp, huyện Tân Minh [4, tr.566]. Theo *Đại Việt thông sử*, tước An Hưng Vương do Mạc Đăng Dung “tự thăng”.

Đối chiếu thông tin từ hai nguồn sử liệu, có thể khẳng định, thể lệ phong vương trong những năm cuối thời Lê Sơ đã không còn tuân theo quy chuẩn của niên hiệu Hồng Đức; vì một quyền thần ngoại tộc được phong tước vị cao nhất (vương). Đây là một ngoại lệ. Để hiểu đúng bản chất sự việc, cần làm rõ vai trò và ảnh hưởng của Mạc Đăng Dung với triều đình quân chủ trung ương đương thời.

Mạc Đăng Dung quê ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương. Cụ tổ 7 đời là Mạc Đĩnh Chi, đậu Trạng nguyên khoa giáp Thìn (1304) thời vua Anh Tông nhà Trần. Mạc Đăng Dung sinh giờ Ngọ, ngày 23 (nhâm tý) tháng 11, năm quý Mão, niên hiệu Hồng Đức thứ 14 (1483), ít tuổi đã dũng mãnh, nhà nghèo, làm nghề đánh cá. Thời vua Uy Mục, trước nhu cầu tuyển chọn dũng sĩ của triều đình, Mạc Đăng Dung dự thi nghề “giao chật” (đánh vật) và được phong là đô lực sĩ xuất thân rồi được sung vào quân Túc vệ, giữ việc cầm dù theo xe vua [4, tr.525].

Mạc Đăng Dung tham dự chính quyền nhà Lê trong tư thế một võ quan, và con đường thăng tiến của ông là khá nhanh (chỉ khảo cứu ở góc độ tước vị). Năm Hồng Thuận thứ 3 (tức năm 1511), ông được phong tước bá (Vũ Xuyên bá) khi 29 tuổi. Năm Quang Thiệu thứ 3 (1518), Mạc Đăng Dung được thăng hầu (Vũ Xuyên hầu) và được cử trấn thủ Hải Dương. Năm 1519, do ông có công lao đánh dẹp và bắt sống Lê Tiểu ở Từ Liêm, dụ hàng Nguyễn Kính và Hoàng Duy Nhạc, nên vua Lê sau khi về lại kinh đô đã thăng tước cho Mạc Đăng Dung từ tước “hầu” lên tước “quận công” (Minh Quận công) [4, tr.556]. Năm 1521, nhà Lê

gia phong cho Mạc Đăng Dung từ tước “quận công” (Minh Quận công) lên tước “quốc công” (Nhân quốc công) [4, tr.558].

Những đóng góp lớn lao của Mạc Đăng Dung trong việc dẹp loạn, phò tá hoàng đế đã giúp ông trở thành người có tước vị cao nhất trong tư thế một quần thần ngoại tộc. Tước “Nhân quốc công” của Mạc Đăng Dung được chép thống nhất trong cả hai bộ chính sử *Đại Việt thông sử* và *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tuy nhiên, theo Lê Quý Đôn, tước hiệu “Nhân quốc công” do Mạc Đăng Dung “tự phong”. Và điều đáng lưu ý là, tước “quốc công” này vẫn nằm trong những thể chế nghiêm ngặt về tước phong mà Lê Thánh Tông đặt ra từ thời Hồng Đức (người ngoại tộc không được phong tước vương).

Việc quyền thần ngoại tộc duy nhất của nhà Lê Sơ sở hữu tước vương gắn với những biến cố chính trị lớn lao của triều đình, thông qua hai sự kiện: vua Lê Chiêu Tông xuất giá và Mạc Đăng Dung dựng Lê Cung Hoàng lên ngôi Hoàng đế.

Lúc này, quyền lực của Mạc Đăng Dung rất lớn, át cả người đứng đầu triều đình quân chủ. Hoàng sơ trước thế lực của Mạc Đăng Dung, Lê Chiêu Tông ngầm bàn với Nguyễn Hiến và Phạm Thứ kế hoạch bỏ kinh đô, triệu tập quan lại bốn phương để loại bỏ thế lực nhà Mạc. Sử cũ chép: “Năm 1522, (Phạm) Hiến, (Phạm) Thứ vào hầu yến, rồi đón vua ra ngoài, Hoàng Thái hậu và em vua là Xuân không được biết. Vua ra đến xã Mộng Sơn, huyện Minh Nghĩa, Sơn Tây” [4, tr.560].

Để tránh tiếng phản loạn, Mạc Đăng Dung đã đưa Lê Xuân lên ngôi báu, có nghĩa với vương triều Lê Sơ, lúc này ông vẫn giữ tư thế một quần thần. Vương triều nhà Lê lúc này có hai vị hoàng đế (được gọi theo niên hiệu), là Thống Nguyên

Đế (Lê Cung Hoàng) và Quang Thiệu Đế (Lê Chiêu Tông).

Cuộc đối đầu giữa hai thế lực: Lê Chiêu Tông và Lê Cung Hoàng (do Mạc Đăng Dung điều khiển) kéo dài trong hơn 3 năm, từ tháng 7 năm 1522 đến tháng 10 năm 1525 (thời điểm Lê Chiêu Tông bị bắt).

Thời gian đầu, ưu thế nghiêng về Quang Thiệu Đế (có thời điểm Mạc Đăng Dung phải rút sang vùng đất Hải Dương). Tuy nhiên, đến năm 1522, khi Vĩnh Hưng bá Trịnh Tuy đưa Lê Chiêu Tông vào Thanh Hóa thì nội bộ Quang Thiệu Đế bắt hòa. Thế lực vua Lê Chiêu Tông suy yếu trầm trọng khi hai tướng Nguyễn Kính, Nguyễn Áng về hàng Mạc Đăng Dung. Năm 1526, Lê Chiêu Tông bị thủ tiêu, vị hoàng đế thứ 11 nhà Lê Sơ, là Lê Cung Hoàng, hoàn toàn bắt lực trước sự lộng hành của Mạc Đăng Dung. Tháng tư năm 1526, Thống Nguyên Đế đi nước cờ cuối cùng trên bàn cờ chính trị, là phong vương cho Mạc Đăng Dung (An Hưng Vương).

Mạc Đăng Dung trở thành quyền thần ngoại tộc đầu tiên và duy nhất dưới thời Lê Sơ sở hữu tước vương (tước vị mà dưới thời Hồng Đức chỉ được dùng để ban phong cho người hoàng tộc). Lúc này định chế phong vương mà hoàng đế Lê Thánh Tông đặt ra chính thức bị phá vỡ.

5. Kết luận

Việc phong tước vương thời Lê Sơ đã có những đặc điểm riêng biệt, phản ánh rõ rệt sự phát triển của vương triều qua 2 giai đoạn: khởi nghiệp (quy chế chưa thật sự rõ ràng, quy chuẩn) và từng bước đi vào ổn định, phát triển (có quy định nghiêm ngặt). Song, từ Lê Thái Tổ đến Lê Thánh Tông,

các hoàng đế nhà Lê Sơ vẫn áp dụng và tuân thủ triệt để nguyên tắc không phong vương cho quyền thần và người ngoại tộc. Tuy nhiên, định chế này đã không còn được duy trì khi cung đình xảy ra biến loạn, mà quan trọng hơn là, khi hoàng đế (người giữ vị trí cao nhất trong bộ máy chính quyền quân chủ thời Lê Sơ) chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Mạc Đăng Dung trở thành quyền thần ngoại tộc đầu tiên và duy nhất dưới thời Lê Sơ được phong vương. Tước vương của Mạc Đăng Dung có nhiều điểm tương đồng với tước vương của Hồ Quý Ly (một quyền thần ngoại tộc dưới thời Trần). Cũng như vương triều Lê Sơ, nhà Trần áp dụng những quy định chặt chẽ về việc phong tước, mà nguyên lý chủ đạo, xuyên suốt những năm đầu triều Trần là không phong vương cho người ngoại tộc. Tuy nhiên, bước sang giai đoạn “mạt Trần”, sự bất lực, nhu nhược của hoàng đế và tông thất, quý tộc nhà Trần đã mở ra cơ hội để Hồ Quý Ly không chế vũ đài chính trị. Thời điểm “quyền lực quân vương” hoàn toàn bị “quyền lực bề tôi” lấn át là khi vua Trần buộc phải gia phong Hồ Quý Ly là Trung Tuyên Vệ Quốc Đại Vương. Căn cứ vào diễn biến chính trường nhà Lê Sơ từ khi tạo dựng đến lúc suy tàn, không khó để nhận thấy rằng, yếu tố “thời bình” là điều kiện cốt tử để một vương triều xây dựng thể lệ phong tước (trong đó có tước vương), song định chế ấy rất dễ bị lung lay và sụp đổ dưới “thời loạn”. Điều này tiếp tục được khẳng định dưới thời Lê Trung Hưng, gắn với sự kiện Lê Thế Tông gia phong Trịnh Tùng là Bình An Vương, chấp nhận cho Chúa Trịnh mở phủ và con cháu được kế tục tước vị.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Xuân Bảng (1997), *Sử học bị khảo*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [2] Phan Huy Chú (1961), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Sử học, Hà Nội.
- [3] Lê Quý Đôn (2007), *Đại Việt thông sử*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [4] Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Tạ Ngọc Liễn (1995), *Quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Lê Kim Ngân (1963), *Tổ chức chính quyền trung ương dưới triều Lê Thánh Tông (1460-1497)*, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn.
- [7] Lê Kim Ngân (1974), *Chế độ chính trị Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Phân viện Khoa học xã hội, Viện đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn.
- [8] Lê Trọng Ngoạn, Ngô Văn Ban, Nguyễn Công Lý (1997), *Lược khảo và tra cứu về học chế, quan chế ở Việt Nam từ năm 1945 trở về trước*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [9] Đặng Kim Ngọc (2011), *Chế độ đào tạo và tuyển dụng quan chức thời Lê Sơ (1428-1527)*, Trung tâm hoạt động Văn hoá, khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội.
- [10] Nguyễn Diên Niên (2003), *Suy ngẫm về 20 năm - một chớp mắt của lịch sử đầu thế kỷ XV (1407-1427)*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [11] Đỗ Văn Ninh (2002), *Từ điển chức quan Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Minh Tường (2015), *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [13] Emmanuel Poisson (2004), *Mandarins et Subalternes au Nord du Viet Nam: Une Bureaucratie à l'Épreuve (1820-1918)*, Maisonneuve et Larose, Paris.